



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY



Trụ sở chính: Sân KTTM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG -T.D.K

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	04 - 05
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH

Số 10/205 ngõ 22 Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30/6/2014.

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh (sau đây viết tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009 và đăng ký thay đổi lần 2 số 0101971512 ngày 17/06/2014.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUANG ANH

Trụ sở chính: Số 10/205 ngõ 22 Tôn Thất Tùng - Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn./.).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.000.000

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo

Hội đồng quản trị:

1 Ông Vương Văn Ba	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Đỗ Thanh Long	Ủy viên
3 Ông Ngô Tiến Hải	Ủy viên
4 Ông Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên
5 Ông Trần Văn Kinh	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

1 Ông Nguyễn Đức Phương	Tổng Giám đốc
-------------------------	---------------

Các sự kiện phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ

Công ty đi vay ngắn hạn để đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tập Trung với giá trị 4.000.000.000đ và Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái với giá trị 16.000.000.000đ. Các khoản đầu tư này vẫn đang tiếp tục thực hiện do đó Ban Giám đốc Công ty nhận thấy chưa đủ cơ sở để xác định các khoản lợi nhuận sẽ thu được từ các khoản đầu tư này cũng như việc xác định có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư.

Khoản vay ngắn hạn ông Nguyễn Hồng Quang - cổ đông công ty, theo hợp đồng vay vốn, không xác định thời gian vay, lãi suất vay bằng 0% và Ông Quang không yêu cầu Công ty phải có tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

2. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K (trước đây là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K) là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn . Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo tài chính , sổ sách và chứng từ kế toán cho các kiểm toán viên. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

3. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Thay mặt và đại diện

Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quang Anh



Chủ tịch HĐQT

Vương Văn Ba



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 31/2014/BCKT-TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh*

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh được lập ngày 10 tháng 08 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Theo như Báo cáo của Ban Giám đốc, khoản đi vay Ông Nguyễn Hồng Quang - cổ đông công ty chưa được thuyết minh hay trình bày như là một giao dịch với bên liên quan trong Thuyết minh của báo cáo tài chính.

Do khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu của các Công ty nhận đầu tư (thuyết minh số 7 trang 17 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) không phải là công ty đại chúng nên chúng tôi không thu thập được thông tin giá thị trường của cổ phiếu để xem xét đánh giá liệu Công ty có phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không. Bên cạnh đó, chúng tôi không nhận được thông tin tin cậy về báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nhận xét nêu trên, chúng tôi chỉ muốn người đọc lưu ý rằng, khoản vay ngắn hạn Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình đều đã đến hạn thanh toán tại ngày 30/06/2014. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã được các Ngân hàng trên gia hạn và thay đổi lịch trả nợ đến tháng 09 năm 2014.

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K



Tổng Giám đốc

Từ Quỳnh Hạnh

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0313-2013-045-1

Kiểm toán viên

Lưu Anh Tuấn

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1026-2013-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

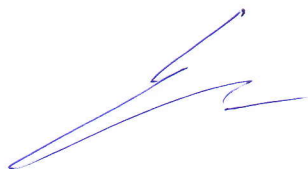
TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.479.802.977	28.673.179.083
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		910.415.938	199.724.044
1. Tiền	111	V.01	910.415.938	199.724.044
III. Các khoản phải thu	130		59.381.251.122	412.536.966
1. Phải thu khách hàng	131		59.073.544.561	80.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		305.036.966	332.536.966
3. Các khoản phải thu khác	138	V.02	2.669.595	
IV. Hàng tồn kho	140		25.986.972.573	26.359.841.020
1. Hàng tồn kho	141	V.03	25.986.972.573	26.359.841.020
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		201.163.344	1.701.077.053
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	-	3.999.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		201.163.344	814.885.522
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	-	882.191.532
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.262.380.929	13.376.067.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.396.140.752	11.843.587.429
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.396.140.752	11.843.587.429
- Nguyên giá	222		18.824.126.776	18.824.126.776
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.427.986.024)	(6.980.539.347)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.200.000.000	200.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	20.200.000.000	200.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		666.240.177	1.332.480.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	666.240.177	1.332.480.354
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.742.183.906	42.049.246.866

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.577.137.978	10.670.013.641
I. Nợ ngắn hạn	310		83.577.137.978	10.670.013.641
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	24.397.250.000	4.397.250.000
2. Phải trả người bán	312		57.736.105.536	2.722.199.618
3. Người mua trả tiền trước	313		-	195.296.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	1.022.164.543	356.768.329
5. Phải trả công nhân viên	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.11	332.538.888	297.538.888
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	8.570.805	2.620.452.500
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi			80.508.206	80.508.206
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.165.045.928	31.379.233.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	34.165.045.928	31.379.233.225
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		161.016.412	161.016.412
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		80.508.206	80.508.206
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.923.521.310	1.137.708.607
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.742.183.906	42.049.246.866

Kế toán trưởng



Phan Thanh Sơn

Người lập biểu

Phan Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



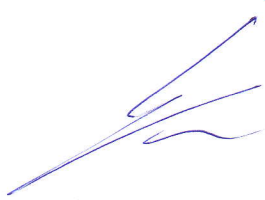
Nguyễn Đức Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.14	56.991.039.027	10.592.004.091
2. Các khoản giảm trừ	3			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		56.991.039.027	10.592.004.091
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	53.118.353.956	7.576.338.259
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		3.872.685.071	3.015.665.832
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	175.867	1.316.566
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	75.112.012	247.596.614
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.112.012	247.596.614
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		315.483.046	350.689.944
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.482.265.880	2.418.695.840
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.482.265.880	2.418.695.840
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.18	696.453.177	604.673.960
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.785.812.703	1.814.021.880
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.19	929	605

Kế toán trưởng



Phan Thanh Sơn

Người lập biểu

Phan Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



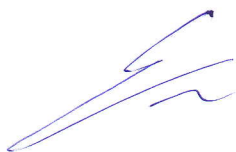
Nguyễn Đức Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý II năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	3.107.750.000	10.255.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(185.565.920)	(6.674.203.536)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(133.387.306)	(598.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(75.112.012)	(132.646.614)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(20.000.000)	(90.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	935.810.905	12.297.064
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(2.918.941.862)	(3.170.550.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	710.553.805	(398.103.183)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.311	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.999.899.689)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.000.000.000	4.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.700.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.000.000.000	1.800.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	710.654.116	1.401.896.817
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	199.724.044	84.752.376
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	37.778	633.982
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	910.415.938	1.487.283.175

Kế toán trưởng



Phan Thanh Sơn

Người lập biểu

Phan Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh (sau đây viết tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034314 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009 và thay đổi lần 2 số 0101971512 ngày 17/06/2014.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Các cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %
Nguyễn Hồng Quang	270.000	9,0%
Nguyễn Mạnh Cường	150.000	5,0%
Nguyễn Văn Thắng	90.000	3,0%
Nguyễn Anh Tuấn	90.000	3,0%
Các cổ đông khác	2.400.000	80,0%

2- Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3- Ngành nghề kinh doanh

Khai thác và chế biến khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Buôn bán khoáng sản, kim loại (Không bao gồm kim loại quý, vàng bạc, bạch kim, sắt, thép); Gia công chế biến kim loại; Kinh doanh máy móc khai thác mỏ, kim loại;

Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình thủy điện; San lấp mặt bằng; Buôn bán, khai thác, sơ chế gỗ; Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, luyện kim (không bao gồm tư vấn pháp luật tài chính);

Dịch vụ cầm đồ; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán các loại hóa chất; Gia công tuyển luyện than;

Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Mua bán, chế biến phế liệu, phế thải, bụi, xỉ của các nhà máy luyện kim.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (ký hiệu là "VND")

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng .
Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Trong kỳ, không phát sinh khoản nợ quá hạn phải thu hoặc khó đòi nào cần phải được trích lập dự phòng tại thời điểm 30/06/2014.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị | 06 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm.

Chi phí phải trả: Là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở tương ứng với số chi phí sẽ phát sinh theo dự toán để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các khoản chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu, lợi nhuận chưa phân phối

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp và quy định theo điều lệ Công ty.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính:

- Chi phí đi vay vốn, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: 25% (06 tháng đầu năm) và 22% (06 tháng cuối năm).

11- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	896.588.702	185.172.362
Tiền gửi ngân hàng	13.827.236	14.551.682
Cộng:	910.415.938	199.724.044

2- Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
BHXH của nhân viên	2.669.595	-
Cộng:	2.669.595	-

3- Hàng tồn kho

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.211.981.110	10.211.981.110
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.822.870.975	6.021.414.411
Hàng hóa	9.952.120.488	10.126.445.499
Cộng:	25.986.972.573	26.359.841.020

4- Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	-	3.999.999
Cộng:	-	3.999.999

5- Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	-	882.191.532
Cộng:	-	882.191.532

6- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Xem trang 23)

7- Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Công nghệ vật liệu mới Bắc Kạn	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH TM và Xây dựng Tập Trung	4.000.000.000	-
Công ty CP Nam Hà Việt Thái	16.000.000.000	-
Cộng:	20.200.000.000	200.000.000

Khoản đầu tư cổ phiếu Công ty TNHH TM và Xây dựng Tập Trung và Công ty CP Nam Hà Việt Thái vẫn đang trong quá trình thực hiện nên Công ty chưa xem xét đến việc ghi nhận khoản lợi nhuận phát sinh cũng như chưa xem xét, đánh giá đến việc trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) cho khoản đầu tư này.

8- Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	666.240.177	1.332.480.354
Cộng:	666.240.177	1.332.480.354

9- Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng NN & PTNT - CN Hoàng Mai	2.605.000.000	2.605.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình	1.492.250.000	1.492.250.000
Nguyễn Hồng Quang	20.000.000.000	-
Nguyễn Thị Kim Loan	300.000.000	300.000.000
Cộng:	24.397.250.000	4.397.250.000

Khoản vay của ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam- Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 124LAV201300051 ngày 08/03/2013. Số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là: Bổ sung vốn lưu động trong việc kinh doanh quặng khoáng sản các loại theo đăng ký kinh doanh của Công ty. Lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng là 13%/năm. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 550675, thửa số 31, tờ bản đồ số 6G-II06, tại địa chỉ số 19, ngõ Vạn Anh, phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, đứng tên chủ sở hữu là: Ông Nguyễn Anh Tuấn và vợ là bà Phan Minh Ánh Nguyệt.

Khoản vay của ngân hàng Thương Mại Cổ phần quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 317.13.833.938942.HMTD ngày 07/06/2013. Hạn mức cho vay là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay : 1 năm. Mục đích sử dụng vốn vay là: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay thả nổi. Tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm cùng tài sản gắn liền trên đất tại Sơn Tây, Hà Nội.

Khoản vay của Nguyễn Hồng Quang - cổ đông công ty, theo hợp đồng cho vay tiền số 01/060114/KSQ-HĐVT ngày 06/01/2014. Mục đích sử dụng vốn vay là Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay : 0%

Khoản vay Nguyễn Thị Kim Loan theo hợp đồng vay vốn cá nhân số 01/2012/KSQA ngày 05/01/2012. Mục đích sử dụng vốn vay là phục vụ sản xuất kinh doanh.

10- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT	-	11.056.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.022.164.543	345.711.366
Cộng:	1.022.164.543	356.768.329
11- Chi phí phải trả	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	332.538.888	297.538.888
Cộng:	332.538.888	297.538.888
12- Các khoản phải trả, phải nộp khác	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
BHXH	7.306.260	-
BHYT	1.264.545	-
Phải trả cổ tức	-	600.000.000
Phải trả khác	-	2.020.452.500
Cộng:	8.570.805	2.620.452.500

13- Vốn chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

(Xem trang 25)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữuSố cuối quý
VNDSố đầu năm
VND

Vốn góp của các cổ đông

30.000.000.000

30.000.000.000

Cộng:**30.000.000.000****30.000.000.000****c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Số cuối quý
VNDSố đầu năm
VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

30.000.000.000

30.000.000.000

- Vốn góp tăng trong năm

-

-

- Vốn góp giảm trong năm

-

-

- Vốn góp cuối năm

30.000.000.000

30.000.000.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

-

600.000.000

d- Cổ phiếuSố cuối quý
VNDSố đầu năm
VND

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

3.000.000

- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng

3.000.000

3.000.000

+ *Cổ phiếu phổ thông*

3.000.000

3.000.000

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

-

-

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

3.000.000

3.000.000

+ *Cổ phiếu phổ thông*

3.000.000

3.000.000

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

-

-

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

3.000.000

3.000.000

+ *Cổ phiếu phổ thông*

3.000.000

3.000.000

+ *Cổ phiếu ưu đãi*

-

-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e- Lãi cơ bản trên cổ phiếuQuý này
VNDQuý trước
VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế

2.785.812.703

1.814.021.880

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông

-

-

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông

2.785.812.703

1.814.021.880

Cổ phiếu đang lưu hành bình quân

3.000.000

3.000.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu**929****605**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

14- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng (thiết bị, vật tư)	56.991.039.027	10.592.004.091
Cộng:	56.991.039.027	10.592.004.091
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	56.991.039.027	10.592.004.091
15- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	53.118.353.956	7.576.338.259
Cộng:	53.118.353.956	7.576.338.259
16- Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	175.867	1.316.566
Cộng:	175.867	1.316.566
17- Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	75.112.012	247.596.614
Cộng:	75.112.012	247.596.614
18- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán	3.482.265.880	2.418.695.840
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	-	-
- Chuyển lỗ (*)	-	-
- Chi phí không hợp lý	-	-

Thu nhập chịu thuế	3.482.265.880	2.418.695.840
Chi phí thuế TNDN (25%)	-	604.673.960
Chi phí thuế TNDN (20%)	696.453.177	-
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	-	-

Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	696.453.177	604.673.960
---	--------------------	--------------------

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập DN	2.785.812.703	1.814.021.880
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.785.812.703	1.814.021.880
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình qui	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	929	605

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Chính sách quản lý rủi ro

Công ty thực hiện việc quản lý rủi ro như sau:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm: Vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	910.415.938	910.415.938
- Phải thu khách hàng	59.073.544.561	59.073.544.561
- Trả trước cho người bán	305.036.966	305.036.966
- Phải thu khác	2.669.595	2.669.595

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
- Vay và nợ ngắn hạn	24.397.250.000	24.397.250.000
- Phải trả người bán	57.736.105.536	57.736.105.536
- Thuế phải nộp	1.022.164.543	1.022.164.543
- Các khoản phải trả khác	8.570.805	8.570.805

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa, rủi ro thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến:

	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	24.397.250.000	-	24.397.250.000
Phải trả người bán	57.736.105.536	-	57.736.105.536
Người mua trả tiền trước	-	-	-
Thuế phải nộp	1.022.164.543	-	1.022.164.543
Các khoản phải trả khác	8.570.805	-	8.570.805

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay dưới hình thức thế chấp tài sản.

2- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

3- Thông tin hoạt động liên tục

Công ty không có bất cứ kế hoạch nào nhằm thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như không có sự kiện nào phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phan Thanh Sơn

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁN SẢN QUANG ANH

Số 10/205 ngõ 22 Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014

8-Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu năm	10.411.941.972	8.412.184.804	-	-	18.824.126.776
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	10.411.941.972	8.412.184.804	-	-	18.824.126.776
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	3.470.887.320	3.509.652.027	-	-	6.980.539.347
Khấu hao trong năm	743.710.140	703.736.537	-	-	1.447.446.677
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.214.597.460	4.213.388.564	-	-	8.427.986.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	6.941.054.652	4.902.532.777	-	-	11.843.587.429
Tại ngày cuối năm	6.197.344.512	4.198.796.240	-	-	10.396.140.752

12.a Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày đầu năm	30.000.000.000	161.016.412	80.508.206	-	1.137.708.607	31.379.233.225
- Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	-	-	2.785.812.703	2.785.812.703
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	30.000.000.000	161.016.412	80.508.206	-	3.923.521.310	34.165.045.928